

CHƯƠNG 2

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI TỪ CỔ ĐIỂN ĐẾN TÂN CỔ ĐIỂN

Nội dung chính

Lý thuyết TMQT cổ điển

Hạn chế của lý thuyết thương mại cổ điển

Lý thuyết Thương mại Tân cổ điển

Ưu điểm và hạn chế của lý thuyết thương mại Tân cổ điển

Giới thiệu

CÁC LÝ THUYẾT TMQT

Lý thuyết
thương mại
cổ điển

Lý thuyết
thương mại
tân cổ điển

Lý thuyết
chuẩn về
TMQT

Lý thuyết
Hecksher -
Ohlin

1. Lý thuyết trọng thương
2. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối
3. Lý thuyết lợi thế so sánh



Các lý
thuyết khác



LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CỔ ĐIỂN

cuu duong thanh cong . com

Giới thiệu chủ nghĩa trọng thương

Bối cảnh lịch sử

Phát triển từ thế kỷ XV-XVIII, gắn với các phát kiến địa lý vĩ đại (*Colombo, Magielang, G.De gamma*).

Khởi nguồn từ Anh

Phát triển ở các nước châu Âu khác như Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Hà Lan...

Phương thức sản xuất phong kiến tan rã

Phương thức sản xuất TBCN mới ra đời

Hệ tư tưởng kinh tế đầu tiên của giai cấp tư sản

Học thuyết này cho đến nay vẫn còn giá trị

Quan điểm chính của CNTT

Bản chất giàu có của các quốc gia

Muốn giàu có và thịnh vượng thì phải gia tăng khối lượng tiền tệ (vàng, bạc, các kim loại quý)

Đánh giá quá cao vai trò của tiền tệ

Tài sản duy nhất của quốc gia là tiền tệ

Ngoại thương

Muốn gia tăng khối lượng tiền tệ thì con đường chủ yếu là phải phát triển ngoại thương

Cán cân thương mại thặng dư

Cán cân thương mại của Việt Nam

- Chính sách ngoại thương

Tăng cường xuất khẩu

Hạn chế nhập khẩu

Quan điểm chính của CNTT (tiếp)

- Sự can thiệp của Nhà nước
 - Nhà nước phải can thiệp vào nền kinh tế thông qua luật pháp và chính sách kinh tế
 - Duy trì cán cân thương mại thặng dư
 - Thi hành chính sách thúc đẩy xuất khẩu
 - Thi hành chính sách hạn chế nhập khẩu
- Về lợi ích của TMQT
 - Lợi nhuận do lĩnh vực lưu thông, mua bán, trao đổi tạo ra
 - Lợi nhuận là kết quả của trao đổi không ngang giá, là sự lường gạt, là hành vi tước đoạt lẫn nhau giữa các quốc gia
 - Tổng lợi ích bằng không (zero – sum game)

Lý thuyết trọng thương – Ưu điểm

Nhiều quan điểm có giá trị

- ✓ Cần khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu khi năng lực SX trong nước > mức cầu
- ✓ Tích lũy càng nhiều ngoại tệ càng tốt để đề phòng những bất trắc trong tương lai
- ✓ Sự gia tăng lượng vàng bạc có tác dụng kích thích SX trong nước.

Đánh giá được tầm quan trọng của TMQT

Nhận thức được vai trò của nhà nước

Lý thuyết khoa học đầu tiên về KTQT

Lý thuyết trọng thương – Hạn chế

Đơn giản, chưa giải thích được bản chất bên trong của các hiện tượng kinh tế

- ✓ Coi vàng bạc là hình thức của cải duy nhất của các quốc gia. Hiểu sai “tài sản quốc gia”.
- ✓ Đánh đồng mức cung ứng tiền tệ cao với sự thịnh vượng của quốc gia
- ✓ Nhìn nhận TMQT như một “trò chơi” với tổng lợi ích bằng 0
- ✓ Cho rằng lợi nhuận là kết quả của lưu thông chứ không phải SX

- ✓ Chưa giải thích được cơ cấu hàng hóa trong TMQT
- ✓ chưa thấy được tính hiệu quả và lợi ích từ quá trình chuyên môn hóa SX và trao đổi

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối – Adam Smith



Adam Smith
(1723-1790)

Người đầu tiên đưa ra sự phân tích có hệ thống về nguồn gốc TMQT.

- **Tác phẩm nổi tiếng:** “Bản chất giàu có của các quốc gia”(1776)
- Nghi ngờ các quan điểm của Chủ nghĩa trọng thương trên các khía cạnh: bản chất giàu có, lợi ích của TMQT và chính sách ngoại thương.
- Triết lý về bàn tay vô hình

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối – Nội dung

Học thuyết giá trị lao động

Cơ sở của TMQT là lợi thế tuyệt đối

Mỗi quốc gia nên chuyên môn hoá vào sản xuất những ngành mà họ có lợi thế tuyệt đối.

Nếu thương mại là tự do thì nguồn lực của thế giới sẽ được sử dụng một cách hữu hiệu nhất và có thể tối đa hóa phúc lợi của toàn thế giới.

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối – Ví dụ

Bảng 2.1

	Mỹ	Anh
Lúa mì ((kg/giờ)	6	1
Vải (m/giờ)	4	5

Xác định

Lợi thế tuyệt đối của mỗi quốc gia

Mô hình thương mại

Lợi ích của TMQT

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối – ví dụ (tiếp)

Ko có TM

Mỹ: 6kg lúa mì = 4m vải

Anh: 5m vải = 1kg lúa mì

LTTĐ

CMH sx lúa mì

CMH sx vải

Nhu cầu

Đổi lúa mì lấy vải

Đổi vải lấy lúa mì

Giá TG: 1kg lt = 1m v

6kg lúa mì = 6m vải

Mỹ lợi: $6 - 4 = 2\text{m}$ vải
 $\leftrightarrow \frac{1}{2}$ h lao động
sx vải

Anh lợi: $5 \times 6 - 6 = 24\text{m}$ vải
 $\leftrightarrow 4.8$ h lao động
sx vải

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối – kết luận

Mỗi quốc gia nên chuyên môn hóa sản xuất và xuất khẩu những hàng hóa mà họ có lợi thế tuyệt đối và nhập khẩu hàng hóa còn lại.

Thông qua chuyên môn hóa, các nguồn lực của 2 quốc gia đều được sử dụng có hiệu quả và sản lượng của cả 2 hàng hóa đều tăng

Thương mại dựa trên lợi thế tuyệt đối đem lại lợi ích cho cả 2 quốc gia

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối – Ưu điểm

Khắc phục được những hạn chế của lý thuyết trọng thương

Thương mại có lợi cho cả 2 quốc gia → đúng với thực tế hơn so với lý thuyết trọng thương

Đưa đến chuyên môn hóa và chỉ ra được lợi ích của việc chuyên môn hóa

Đặt nền móng cho tự do hóa thương mại

Lý thuyết lợi thế tuyệt đối – Hạn chế

- Mới chỉ giải thích được một phần nhỏ thương mại hiện tại trên thị trường thế giới.
- Không giải thích được hiện tượng những nước có lợi thế hơn hẳn các nước khác hoặc những nước không có lợi thế tuyệt đối nào cả thì chỗ đứng trong phân công lao động quốc tế là ở đâu?

Dựa vào học thuyết giá trị lao động

Lý thuyết lợi thế so sánh

- David Ricardo



David Ricardo
(1772-1823)

- Nguyên lý kinh tế chính trị và thuế (1817)
- Nhà kinh tế có ảnh hưởng lớn.
- Lý thuyết có ảnh hưởng lớn, đặt cơ sở nền tảng cho TMQT và được coi là lý thuyết quan trọng nhất của KTQT

Lý thuyết lợi thế so sánh - Các giả thiết

1. Thế giới chỉ có hai quốc gia
2. Sản xuất hai mặt hàng
3. Lao động là yếu tố sản xuất duy nhất và chỉ được di chuyển tự do giữa các ngành sản xuất trong nước
4. Mỗi quốc gia có lượng lao động cố định
5. Thương mại hoàn toàn tự do
6. Chi phí vận chuyển bằng không
7. Lợi ích kinh tế theo quy mô là không đổi
8. Cạnh tranh hoàn hảo tồn tại trên các thị trường
9. Công nghệ sản xuất ở các quốc gia là như nhau và không thay đổi.

Lý thuyết lợi thế so sánh - Nội dung

Cơ sở của TMQT là lợi thế so sánh (lợi thế tương đối)

Chi phí sản xuất tương đối – Năng suất lao động tương đối

Những nước có lợi thế tuyệt đối hoàn toàn hơn các nước khác hoặc bị kém lợi thế tuyệt đối so với các nước khác trong sản xuất mọi sản phẩm thì vẫn có thể và vẫn có lợi khi tham gia vào phân công lao động quốc tế và TMQT

Mỗi quốc gia sẽ chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm mà mình có lợi thế so sánh và nhập khẩu những sản phẩm mà mình không có lợi thế so sánh.

Lý thuyết lợi thế so sánh – Ví dụ

	Mỹ	Anh
Lúa mì (Kg/giờ)	6	1
Vải (m/giờ)	4	2

Lý thuyết lợi thế so sánh – Lợi ích TM

LTSS

Mỹ: CMH sx lúa mì

Anh: CMH sx vải

Nhu cầu

Đổi lúa mì lấy vải

Đổi vải lấy lúa mì

Giá TG: 1kg lt = 1m v

6kg lúa mì = 6m vải

Mỹ lợi: $6 - 4 = 2\text{m}$ vải
 \leftrightarrow 1/2h lao động
sx vải

Anh lợi: $2 \times 6 - 6 = 6\text{m}$ vải
 \leftrightarrow 3h lao động sx vải

Lý thuyết lợi thế so sánh – Tỷ lệ trao đổi quốc tế

Hai quốc gia đều được lợi khi

1LM : 1 V or 6LM: 6V

Nếu 6LM : 4V \Rightarrow Mỹ không tham gia TMQT.

Nếu 6LM : 12 V \Rightarrow Anh không tham gia TMQT.

Khung của tỷ lệ trao đổi quốc tế sẽ là

$$4V < 6LM < 12 V$$

\Rightarrow Cả Anh và Mỹ sẽ đồng ý tham gia TMQT.

Lý thuyết lợi thế so sánh - Tỷ lệ trao đổi quốc tế

Tỷ lệ trao đổi	Lợi ích đối với Mỹ	Lợi ích đối với Anh	Ghi chú
$6 \text{ LM} \leq 4 \text{ V}$	0 V	8 V	Không có TM
$6 \text{ LM} : 5 \text{ V}$	1 V	7 V	Có thương mại
$6 \text{ LM} : 6 \text{ V}$	2 V	6 V	Có thương mại
$6 \text{ LM} : 7 \text{ V}$	3 V	5 V	Có thương mại
$6 \text{ LM} : 8 \text{ V}$	4 V	4 V	<i>Lợi ích bằng nhau</i>
$6 \text{ LM} : 9 \text{ V}$	5 V	3 V	Có thương mại
$6 \text{ LM} : 10 \text{ V}$	6 V	2 V	Có thương mại
$6 \text{ LM} : 11 \text{ V}$	7 V	1 V	Có thương mại
$6 \text{ LM} \geq 12 \text{ V}$	8 V	0 V	Không có TM

Lý thuyết lợi thế so sánh – Ưu điểm

Giải thích được rằng tất cả các quốc gia đều có lợi khi tham gia TM kể cả trong trường hợp nước đó không có lợi thế tuyệt đối về một số mặt hàng nào đó → mang tính khái quát hơn

Chỉ ra được một quốc gia nên chuyên môn hóa vào sản xuất loại hàng hóa mà quốc gia đó có Lợi thế so sánh chứ không phải chỉ căn cứ vào Lợi thế tuyệt đối.

Chỉ ra được lợi ích của quá trình phân công lao động quốc tế



Lý thuyết lợi thế so sánh - Hạn chế

Không đề cập đến chi phí vận tải, bảo hiểm và các hàng rào bảo hộ mậu dịch, các yếu tố có tính chất quyết định đến hiệu quả của thương mại quốc tế.

Mô tả nền kinh tế thế giới ở mức độ chuyên môn hóa hoàn toàn.

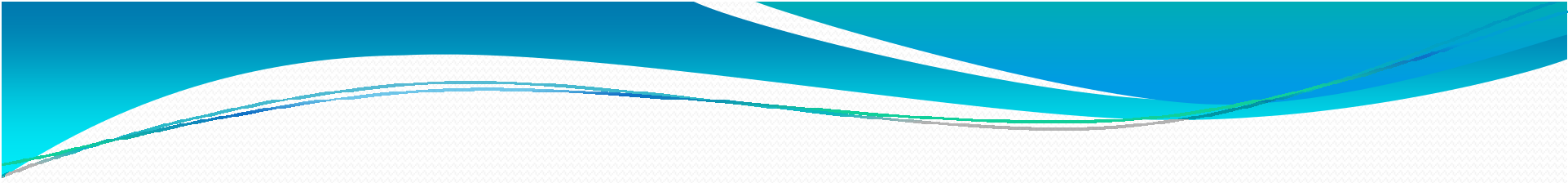
Vận dụng lý thuyết tính giá trị bằng lao động để nghiên cứu mô hình TMQT

=> Lý thuyết này chưa giải thích được nguồn gốc phát sinh Lợi thế so sánh của một nước đối với một loại sản phẩm nào đó

Hạn chế của lý thuyết thương mại cổ điển

Vận dụng lý thuyết tính giá trị bằng lao động để nghiên cứu mô hình TMQT

Chưa giải thích được nguồn gốc phát sinh Lý thuyết so sánh của một quốc gia đối với một loại sản phẩm nào đó



LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI TÂN CỔ ĐIỂN

cuuduongthancong.com

Lý thuyết chi phí cơ hội



- Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler (1936)
- Khắc phục những hạn chế của lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo

Chi phí cơ hội



Chi phí cơ hội của một sản phẩm là gì ?

Số lượng của 1 sản phẩm khác phải hi sinh để có đủ tài nguyên sản xuất tăng thêm một đơn vị sản phẩm thứ nhất.



Haberler vận dụng lý thuyết chi phí cơ hội để giải thích lý thuyết so sánh như thế nào?



Chi phí cơ hội và lợi thế so sánh

- Một quốc gia có lợi thế so sánh trong việc sản xuất ra một hàng hoá nếu chi phí cơ hội của việc sản xuất ra hàng hoá đó thấp hơn so với chi phí cơ hội của việc sản xuất ra cùng hàng hoá đó ở quốc gia khác.

	Mỹ	Anh
Lúa mì (Kg/giờ)	6	1
Vải (m/giờ)	4	2

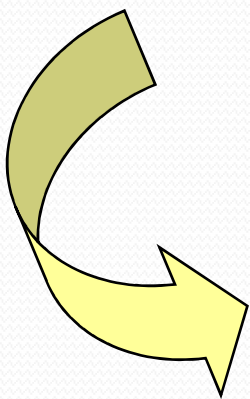
- Mỹ: lợi thế so sánh trong sản xuất lúa mì
- Anh: lợi thế so sánh trong sản xuất vải

Chi phí cơ hội và lợi thế so sánh (tiếp)

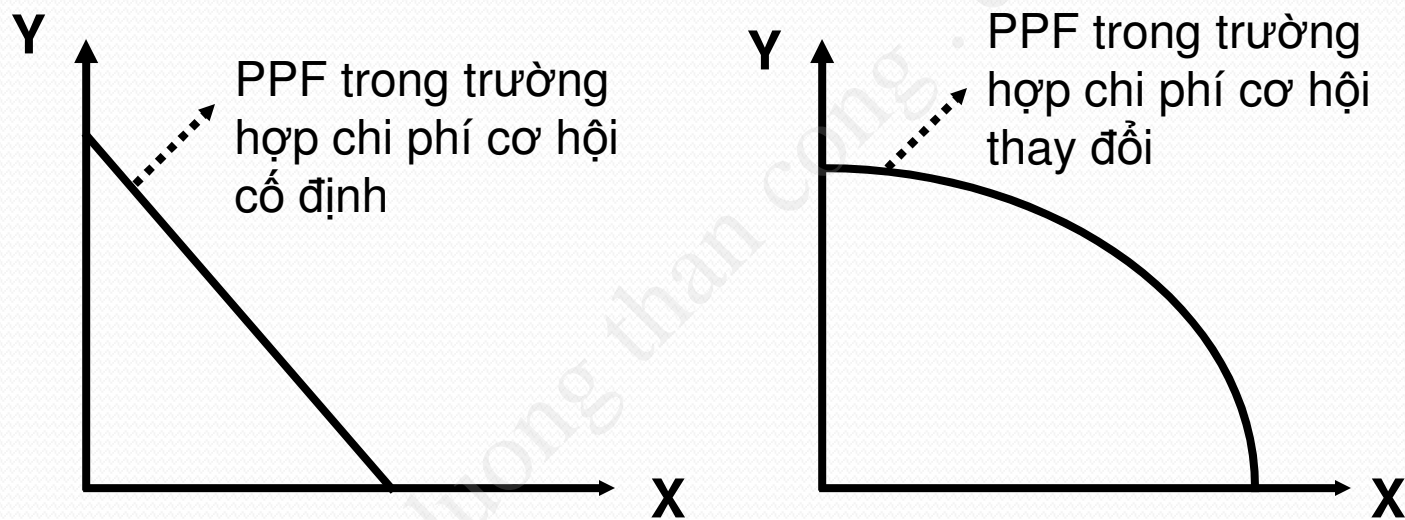


Cách giải thích theo chi phí cơ hội có gì giống và khác biệt so với cách giải thích của D.Ricardo???

- Giống: kết quả nghiên cứu
- Khác: giải thích theo lý thuyết chi phí cơ hội tránh được giả thiết cho rằng lao động là yếu tố duy nhất để tạo ra mọi sản phẩm → cách giải thích này chặt chẽ và thực tế hơn.



Minh hoạ chi phí cơ hội bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)



- Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) của một nền kinh tế thể hiện những kết hợp số lượng hàng hoá tối đa mà nền kinh tế có thể sản xuất được với nguồn lực và công nghệ nhất định.

Đường giới hạn khả năng sản xuất trong trường hợp CPCH cố định

CPCH cố định là gì?

một lượng không đổi của 1 hàng hóa phải bỏ ra khi sản xuất thêm 1 đơn vị hàng hóa khác.

CPCH cố định khi nào?

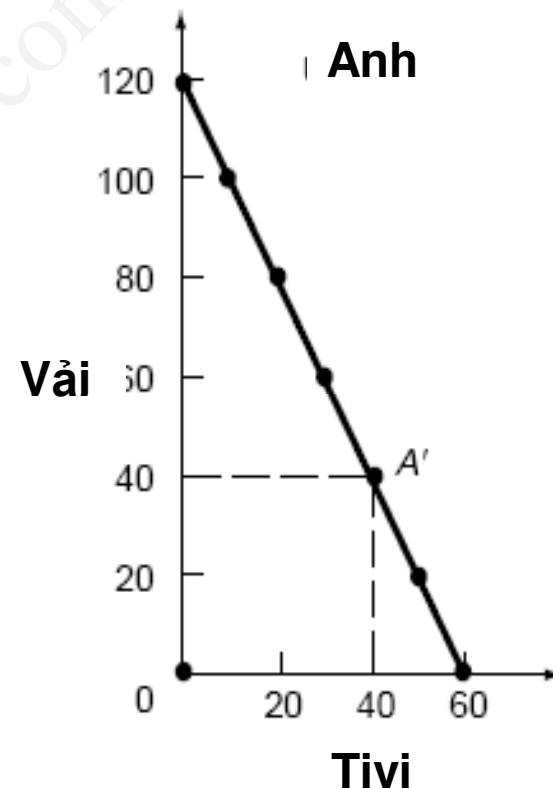
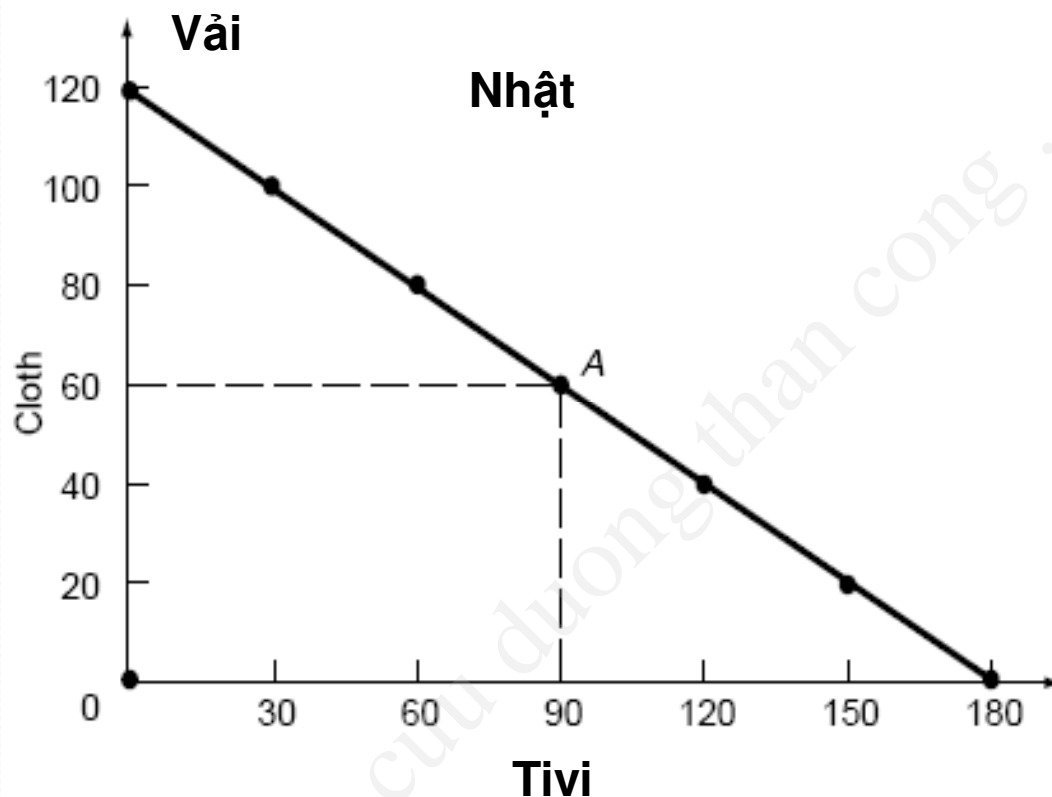
1. Các nguồn lực có thể thay thế hoàn toàn cho nhau hay được sử dụng theo một tỷ lệ cố định trong sản xuất cả 2 hàng hóa.
2. Tất cả các đơn vị của cùng một nhân tố là đồng nhất hay cùng chất lượng.
→ mỗi quốc gia chuyển dịch các nguồn lực từ sản xuất hàng hóa này sang hàng hóa kia sẽ không phải sử dụng nguồn lực kém hiệu quả hơn cho sản xuất hàng hóa kia.

Đường giới hạn khả năng sản xuất trong trường hợp CPCH cố định (tiếp)

Số liệu về khả năng SX của 2 quốc gia: Nhật và Anh
Đơn vị tính: nghìn tivi, triệu mét vải

Nhật Bản			Anh		
Tivi	Vải	Sau TM	Tivi	Vải	Sau TM
180	0	0	60	0	120
150	20	30	50	20	100
120	40	60	40	40	80
90	60	90	30	60	60
60	80	120	20	80	40
30	100	150	10	100	20
0	120	180	0	120	0

Đường giới hạn khả năng sản xuất trong trường hợp CPCH cố định (tiếp)



1. CPCH để sản xuất ti vi ở Nhật là bao nhiêu? Ở Anh là bao nhiêu?
2. Giá cả tương đối (so sánh) của ti vi so với vải ở Nhật? ở Anh? (giả định giá cả bằng CPSX)
3. Xác định mô thức thương mại giữa Nhật và Anh?

Đường giới hạn khả năng sản xuất trong trường hợp CPCH cố định (tiếp)

CPCH để sx tivi ở Nhật = $2/3$ ($1t = 2/3v$); ở Anh = $2 \rightarrow$
PPF của 2 quốc gia là **đường thẳng**

Giá cả bằng CPSX $\rightarrow P_t/P_v$ (Nhật) = $2/3$; P_t/P_v (Anh) = $2 \rightarrow$ Nhật có lợi thế so sánh về việc SX tivi ($2/3 < 2$).

Hay, P_v/P_t (ở N) = $3/2$; P_v/P_t (ở A) = $1/2 \rightarrow$ Anh có LTSS về sx vải

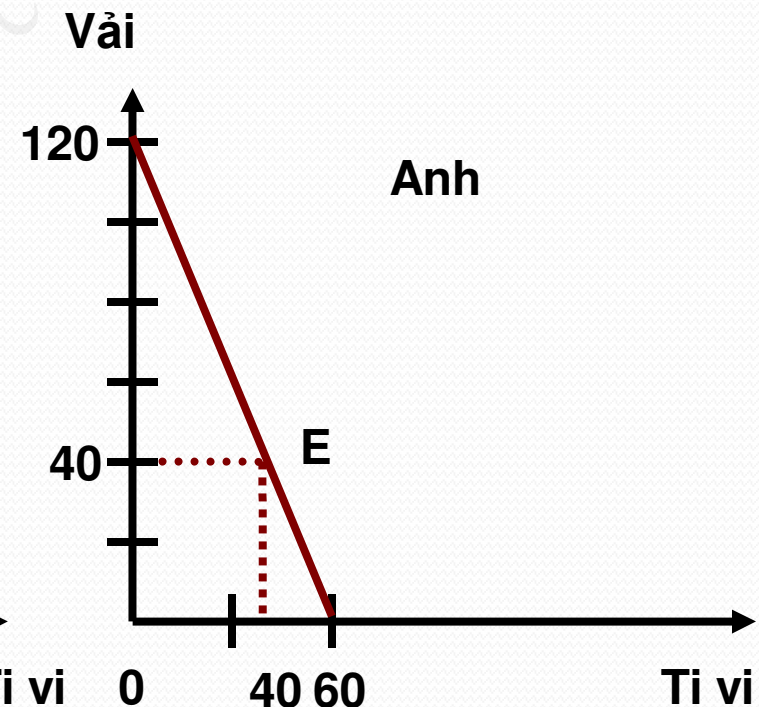
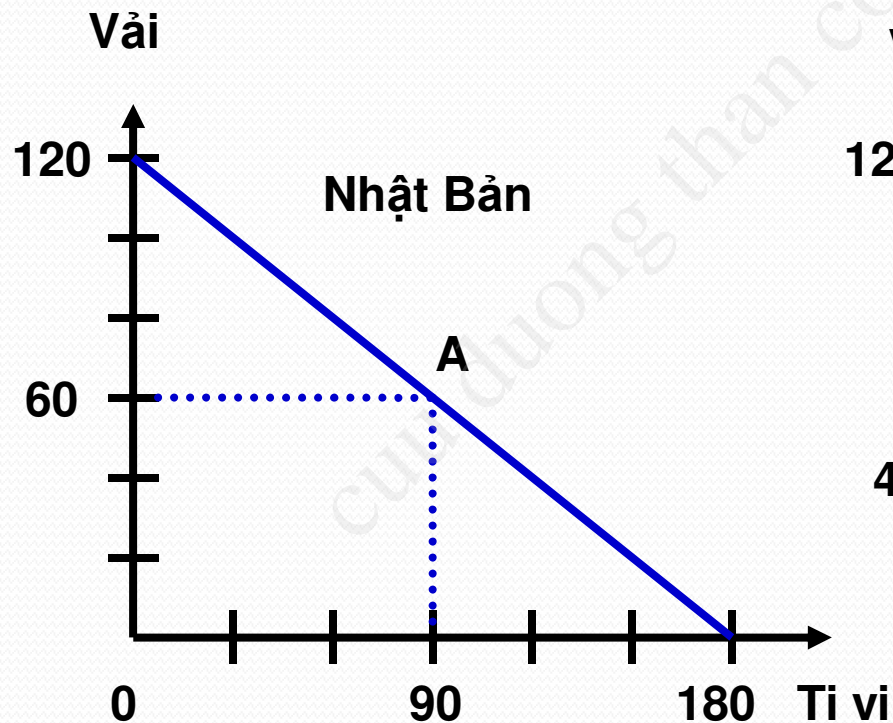
\rightarrow Chính sự khác nhau về giá cả so sánh là biểu hiện Lợi thế so sánh. Nói cách khác, sự khác nhau về CPCH là cơ sở để sinh ra TMQT.

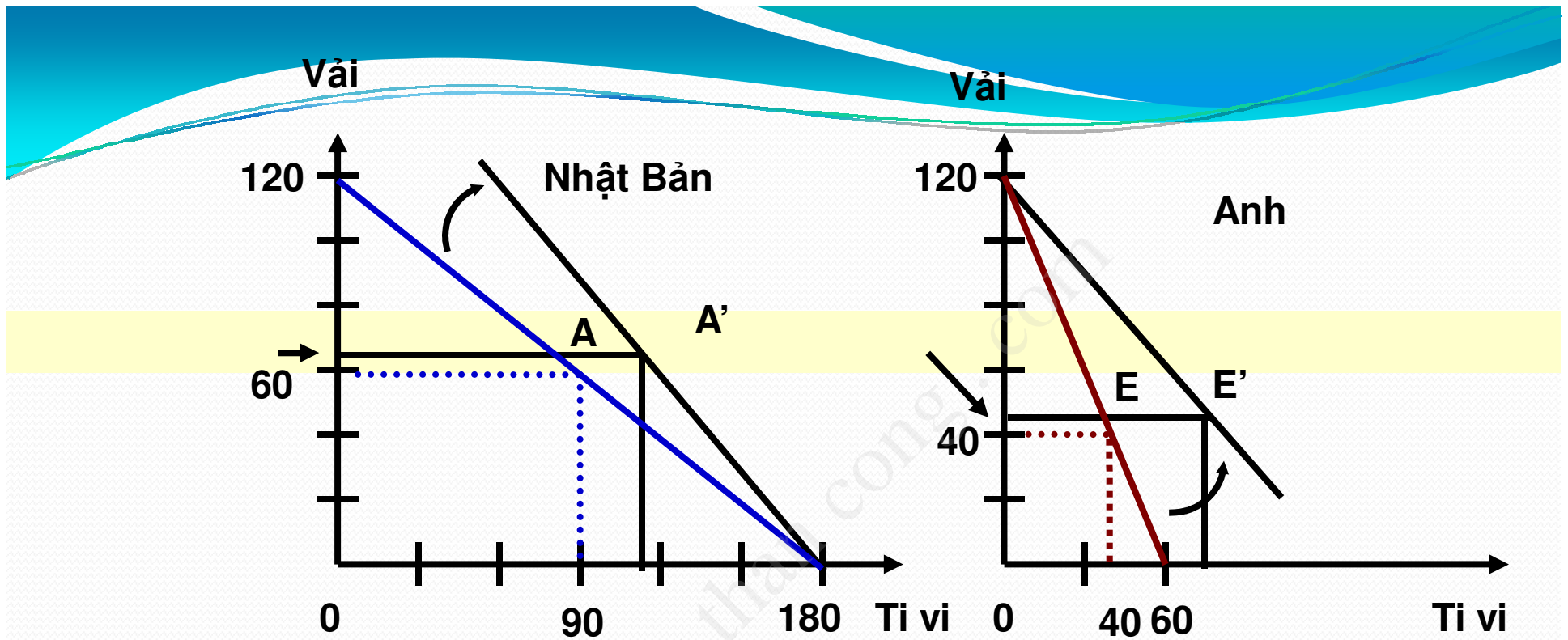
Lợi ích của TMQT trong điều kiện CPCH không đổi

PPFs khi không có TM

- N: TD tại A (90t, 60v)
- A: TD tại E (40t, 40v)

$KNSX = KNTD$





Khi có TMQT, Nhật và Anh chuyên môn hóa sản xuất gì?

Khối lượng tivi và vải mà Nhật và Anh sản xuất được trước khi có TMQT và sau khi có TMQT?

Giả sử $1t = 1v$, Nhật và Anh trao đổi 70t lấy 70v, xác định lợi ích thu được từ TMQT?

Nhận xét về khả năng tiêu dùng và khả năng sản xuất của Nhật và Anh?

Lợi ích của TMQT trong điều kiện CPCH không đổi (tiếp)

**CPCH
≠ nhau**

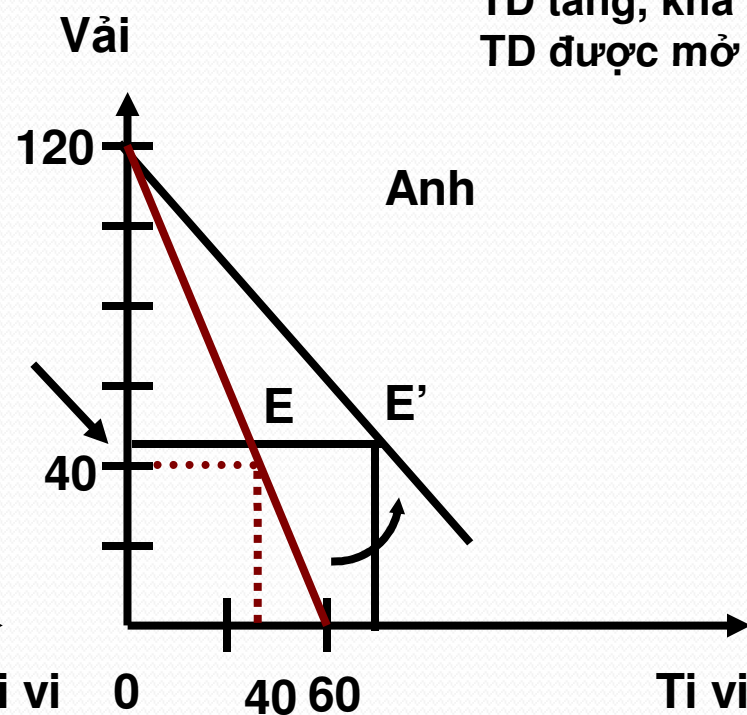
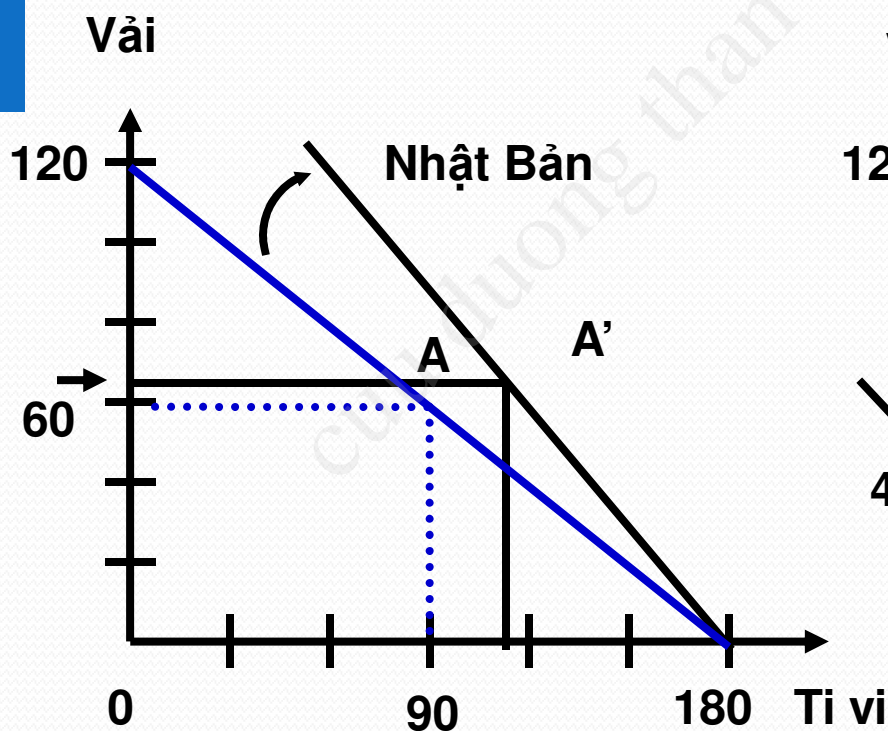
N: CMHSX $t \rightarrow 180t$

A: CMHSX $v \rightarrow 120v$

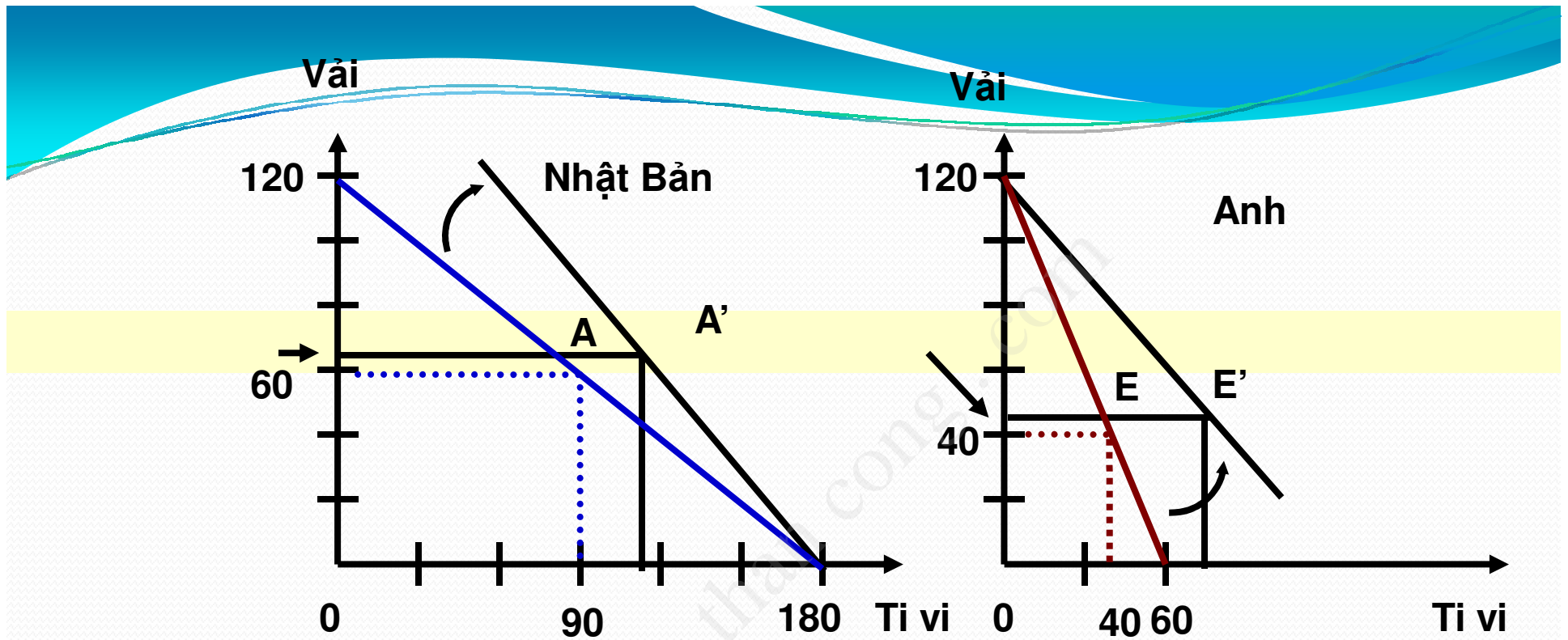
$70t = 70v$
CÓ TMQT
 $1t = 1v$

N: TD tại A' (110t, 70v)

A: TD tại E' (70t, 50v)



TD tăng, khả năng
TD được mở rộng

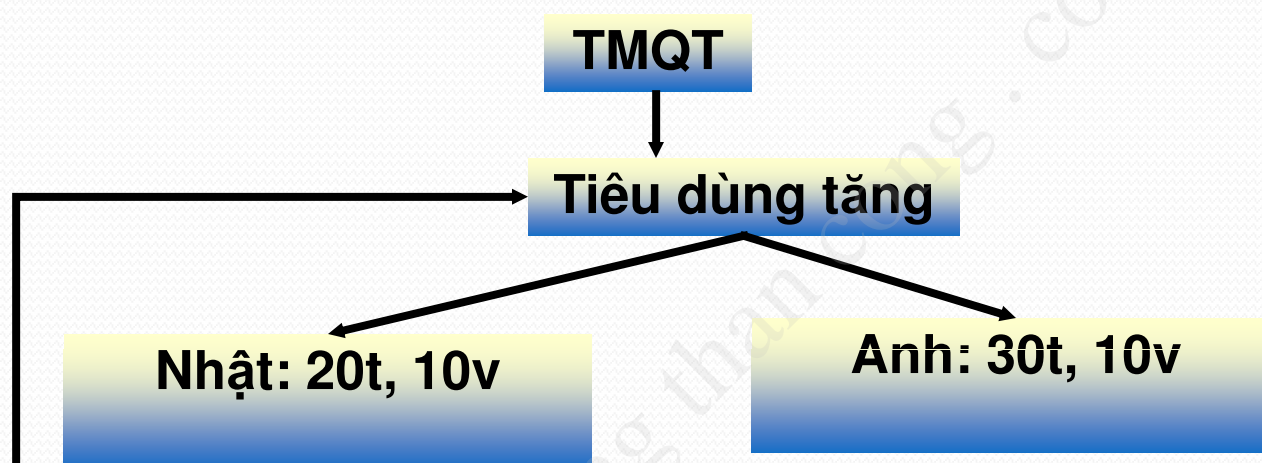


Tổng sản lượng của thế giới trước và sau khi có TMQT?

Tổng lợi ích thu được từ chuyên môn hóa và TMQT?

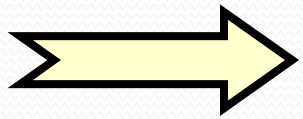
Phân chia lợi ích thương mại giữa Nhật và Anh sau khi có TMQT?

Lợi ích của TMQT trong điều kiện CPCH không đổi (tiếp)



- Gia tăng tổng sản lượng thế giới
 - Khi không có thương mại, Nhật và Anh sản xuất được 130t (90+40) và 100v (60+40)
 - Có chuyên môn hóa + TMQT: tổng sản lượng thế giới là 180t (Nhật tập trung sản xuất) và 120v (Anh tập trung sản xuất)
- ➔ Tổng sản lượng thế giới tăng: 50t và 20v, phân bổ cho Nhật và Anh

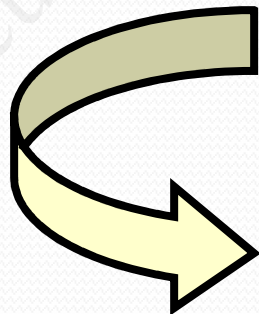
Lợi ích của TMQT trong điều kiện CPCH không đổi (tiếp)



Lợi ích của thương mại có được là nhờ chuyên môn hóa

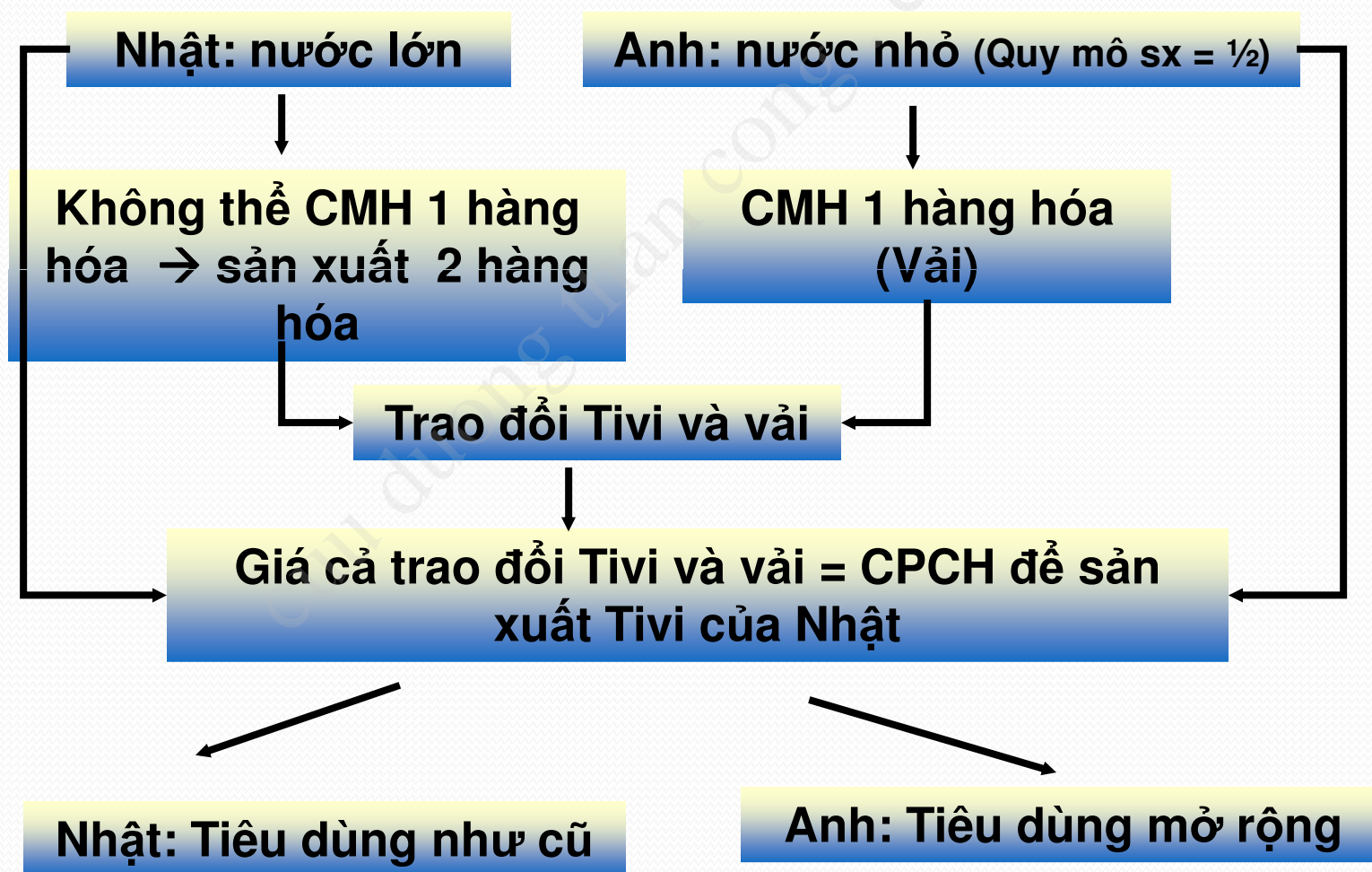


Nhưng có phải tất cả các nước chỉ chuyên môn hóa sản xuất mặt hàng mà quốc gia đó có CPCH thấp hơn các quốc gia \neq hay không???



KHÔNG

Lợi ích của TMQT trong điều kiện CPCH không đổi (tiếp)



Lợi ích của TMQT trong điều kiện CPCH không đổi (tiếp)

Quy mô quốc gia \neq nhau

Nhật : sản xuất

cả Tivi và Vải
(120t, 20v)

Anh: CMH sản xuất
Vải \rightarrow 60v

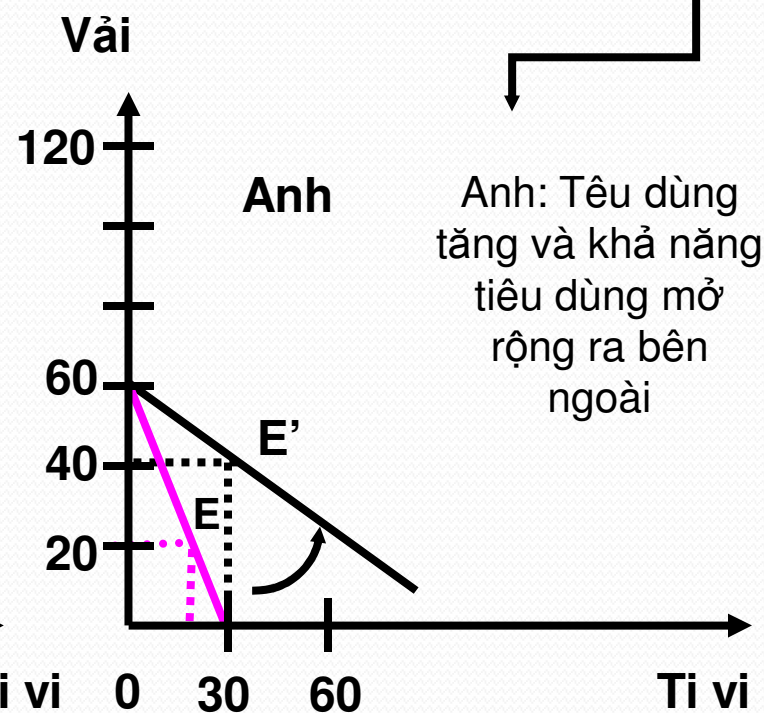
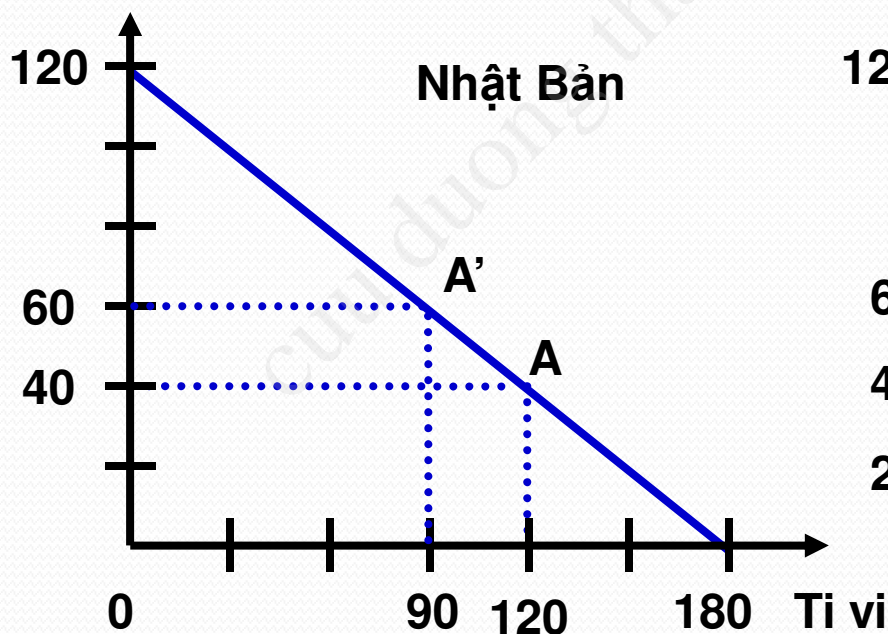
$$30\text{Tivi} = 20\text{Vải}$$

Có TMQT

$$1\text{Tivi} = \frac{2}{3}\text{Vải}$$

Nhật: Tiêu dùng tại A' (90t, 60v)

Anh: Tiêu dùng tại E' (40t, 30v)



Anh: Tiêu dùng tăng và khả năng tiêu dùng mở rộng ra bên ngoài

Lợi ích của TMQT trong điều kiện CPCH không đổi (tiếp)

- Nhật sẽ không đem Tivi đổi lấy Vải ở nước Anh mà đem Tivi đổi lấy Vải với một nước lớn khác cũng sản xuất vải → khó khăn cho những nước nhỏ khi tham gia TMQT
- TMQT không đảm bảo nguyên tắc hai bên cùng có lợi (đối với nước nhỏ). Nước nhỏ có thể gặp phải rủi ro nếu nhu cầu về hàng hóa của nước đó bị suy giảm (do đã CMH hoàn toàn mà nước lớn lại không trao đổi).

Đánh giá lý thuyết chi phí cơ hội

Ưu điểm:

Giải thích TMQT dựa trên khái niệm CPCH tránh được giả thiết lao động là yếu tố duy nhất tạo ra giá trị.

Khi quy mô các nước khác nhau → CMH khác nhau.

Hạn chế:

Chưa giải thích được TMQT với chi phí cơ hội tăng => chưa sát với thực tế.

Bài tập

1. Bảng sau chỉ ra số ngày lao động cần thiết để sản xuất 1 đơn vị vải và ô tô ở Anh và Mỹ.

Sản phẩm Nước	Vải	Ô tô
Anh	3 ngày	6 ngày
Mỹ	2 ngày	5 ngày

- Xác định lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh của từng quốc gia?
- Xác định mức giá tương đối của ô tô so với vải và phân tích lợi ích của mỗi nước khi có thương mại.



HẾT CHƯƠNG 2

cuu duong than cong .com